

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2022/DS-PT  
Ngày: 19 - 10 - 2022  
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất  
quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Quốc**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Liên**

Ông **Nguyễn Văn H**

- Thu ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Đức** - Thu ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 18, 19 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 07 năm 2022 về tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2022/DSST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn Nh** – sinh năm: 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: khu vực Lân Th 2, phường Trung K, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lưu Ngọc Tuấn – sinh năm: 1966, thuộc văn phòng luật sư Lưu Ngọc T, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Số 380, quốc lộ 91, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.(Có mặt)

Bị đơn: Ông **Lê Văn U** – sinh năm: 1961 (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà **Huỳnh Thị Ng** – sinh năm: 1958

Địa chỉ: khu vực Lân Th 2, phường Trung K, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền: Bà **Lê Thị Q**, sinh năm 1980. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/8/2022, tại Ủy ban nhân dân phường Tân L, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.)(Có mặt)

2/. Anh **Lê Văn H** – sinh năm: 1990(Vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực Lân Th 2, phường Trung K, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

3/. Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm: 1964(Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Vạn Th, xã Bình Ngh, huyện G Công Đ, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho ông Lê Văn Nh.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn U.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và qua các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Lê Văn Nh trình bày:**

Ông Lê Văn Nh có đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 948,7m<sup>2</sup>, tại thửa 621, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại khu vực Lân Th 2, phường Trung K, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000489, được UBND huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 22/5/1999, cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ00695, cấp ngày 25/11/2010. Nguồn gốc đất do cha là Lê Văn Tu để lại từ trước năm 1990.

Các anh em khác cũng đã được cha mẹ cho đất riêng phần của mỗi người, bị đơn ông Lê Văn U(anh ruột ông Nh) cũng được cha cho đất ở xã Trung An, huyện Cờ Đỏ. Trước đây, ông U sống bên nhà vợ thuộc khu vực Đông Bình, phường Tân Lộc, đến khoảng năm 2014 do ông U có Cnh tác đất ruộng ở phía sau thửa đất 621 cho nên ông Nh có cho ông U mượn tạm căn nhà cùng nền đất khoảng 36m<sup>2</sup> để làm nơi ở tạm và ông U cắt chuyển hộ khẩu về khu vực Lân Th 2, phường Trung K sinh sống đến nay. Khi cho mượn, hai bên có thỏa thuận là mượn vài năm khi nào ông Nh cần thì ông U pH trả lại không có điều kiện. Tuy nhiên, sau đó ông U tự ý xây dựng lấn chiếm thêm có diện tích khoảng 121m<sup>2</sup>, khi phát hiện ông Nh có ngăn cản nhưng ông U vẫn bất chấp.

Cho nên nay ông Lê Văn Nh khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn U cùng vợ con là Huỳnh Thị Ng và Lê Văn H pH có trách nhiệm giao trả lại căn nhà cùng với diện tích đất theo nhu đo đạc thực tế là 343,9m<sup>2</sup> loại đất ODT + CLN, tại thửa 621, tờ bản đồ số 10, do ông Nh đứng tên như nêu trên.

Bị đơn ông Lê Văn U trình bày:

Theo ông Lê Văn U cho rằng nguồn gốc đất ông đang ở của ông nội là Lê Văn Nhàn để lại cho cha là Lê Văn T. Trước đây phần đất này do Lê Văn C (em ruột ông U) sử dụng sống chung một nhà với ông Tu nhưng do ông C bị bệnh về tâm thần, mất năng lực hành vi nên để cho ông Nh đứng tên quyền sử dụng đất thay. Trước đây, ông U sống bên nhà vợ thuộc khu vực Đông Bình, phường Tân Lộc, đến năm 2012 ông C chết, chính ông Nh và vợ ông C là Nguyễn Thị H gọi ông U về ở trên nền nhà cũ của ông C để thờ cúng ông C và Cnh tác đất ruộng ở phía sau, còn bà H về quê gốc ở Gò Công, Tiền Giang sinh sống. Cho nên năm 2014, ông U bán đất ở Tân Lộc dọn về nền nhà cũ của ông C để ở, đến năm 2016 ông U nâng nền, cất nhà ở ổn định đến nay. Theo ông U, đây là đất phủ thờ của cha để lại cho ông C, khi ông C chết thì để lại cho ông U chứ không phải mượn đất của ông Nh để ở tạm như nguyên đơn trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ng và Lê Văn H là vợ và con của ông Lê Văn U thống nhất ý kiến theo lời trình bày của ông U như trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H tại bản tường trình ngày 04/3/2022 trình bày ý kiến như sau:

Bà là vợ của ông Lê Văn C (sinh năm 1963, chết năm 2012), vợ chồng không có con chung, con riêng nào khác. Vào khoảng năm 2000, vợ chồng bà có mượn của ông Nh một phần đất tại thửa 621 để cất nhà ở. Vợ chồng bà cất nhà tạm bằng cây có kích thước ngang 4m, dài 9m để sinh sống, đến ngày 21/02/2012 ông C chết. Sau đó, bà H có bán 01 công đất ruộng và tặng cho ông U 01 công đất ruộng để lo thờ cúng ông C, còn bà H trở về quê ở Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang sinh sống. Trước khi đi, bà H có làm giấy tay giao trả lại phần đất đã mượn tại thửa 621 và tặng cho ông Nh căn nhà tạm trên đất.

Nay ý kiến bà H không có tranh chấp hoặc yêu cầu gì trong vụ án này, bà vẫn giữ nguyên ý kiến là giao trả lại đất nền nhà đã mượn và tặng cho căn nhà tạm trên đất tại thửa 621 cho ông Lê Văn Nh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DSST ngày 19 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã tuyên xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Lê Văn U cùng với bà Huỳnh Thị Ng, anh Lê Văn H phải có trách nhiệm tự tháo dỡ, di dời tài sản, vật kiến trúc trên đất để giao trả cho ông Lê Văn Nh diện tích đất 343,9m<sup>2</sup> loại đất ODT + CLN, tại thửa 621, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc khu vực Lân Th 2, phường Trung K, quận Thốt Nốt, thành phố Cần

Thơ, do ông Lê Văn Nh đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ00695, được Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt cấp ngày 25/11/2010.

Vị trí, diện tích đất cụ thể được xác định căn cứ theo Bản trích đo địa chính số 125/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 14/10/2021.

Ông Lê Văn Nh có trách nhiệm giao cho ông Lê Văn U số tiền hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời tài sản là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Về thời gian lưu cu: Hộ ông Lê Văn U được quyền lưu cu trong thời hạn 06 (sáu) tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí đo đạc, định giá: Ông Lê Văn U pH nộp số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) để giao trả cho ông Lê Văn Nh.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn U được miễn nộp tiền án phí.

Ông Lê Văn Nh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 002606 ngày 27/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 25/5/2022 của bị đơn, yêu cầu yêu công nhận diện tích 343,9 m<sup>2</sup> loại đất ODT + CLN và chuyển quyền sử dụng đất cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Lê Văn U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu công nhận diện tích 343,9 m<sup>2</sup> loại đất ODT + CLN và chuyển quyền sử dụng đất cho bị đơn.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn di dời nhà trả lại ông Nh diện tích 343,9 m<sup>2</sup> loại đất ODT + CLN và chuyển quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho bị đơn số tiền 90.000.000 đồng.

Luật sư Lưu Ngọc Tuấn trình bày:

Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ ông Nh cho ông Nh vào năm 1991, ông Nh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này vào năm 2010 Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử đã giao phần đất này cho ông Nh. Ông Nh cho ông U ở nhờ, khi ông Nh đi nước ngoài thì ở nhà ông U làm tờ thỏa thuận và ký giả chữ ký tên của ông Nh và con ông Nh với nội dung cho ông U phần đất này. Tuy nhiên bị đơn cũng thừa nhận chữ ký của ông Nh và con ông Nh là giả vì thời điểm này nguyên đơn đang ở nước ngoài.

Ông U trình bày ông không có nơi ở nào khác, tuy nhiên ông U có phần đất không pH là đất ODT nhưng ông U có thể ở nhờ nhà con ông là chị Quyên một

thời gian để tìm nơi ở mới. Hơn nữa ông U không có đơn yêu cầu phản tố cho bị đơn ổn định ở trên phần đất này.

Từ những phân tích nêu trên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn sẽ hỗ trợ bị đơn di dời với số tiền là 90.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa:

Về hoạt động tố tụng:

Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Qua phân tích các tình tiết, sự kiện pháp lý và các quy định pháp luật có liên quan, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng nguyên đơn là chủ sử dụng hợp pháp đối với phần đất tranh chấp. Tuy nhiên nay ông Nh yêu cầu gia đình ông U tháo dỡ nhà và tài sản trả lại đất cho nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn hỗ trợ di dời cho bị đơn 50.000.000 đồng là chưa xem xét hết điều kiện hoàn cảnh của bị đơn.

Căn cứ theo Biên bản xác minh ngày 14/4/2022 ông Nguyễn Văn Ngân là trưởng khu vực Đông Bình, phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xác nhận "hiện nay ông Lê Văn U không còn đứng tên, sử dụng phần đất nào ở khu vực Đông Bình". Như vậy hiện chỗ ở hiện nay là chỗ ở duy nhất của gia đình ông Lê Văn U, nếu buộc hộ ông U tháo dỡ nhà thì không còn chỗ ở nào khác. Hơn nữa, hiện nay vợ ông U đang bệnh nằm một chỗ và ông U đã lớn tuổi không thể tạo lập được nơi ở mới để trả lại đất cho nguyên đơn. Việc nguyên đơn ban đầu cũng đã đồng ý cho bị đơn ở trên phần đất tranh chấp, nên bị đơn đã bán hết tài sản để về sinh sống nơi đây. Do đó, để vun hòa giữa tình và lý, cần buộc hộ ông Lê Văn U có trách nhiệm trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Nh một phần đất tại vị trí A, có diện tích 245.0m<sup>2</sup> (170.1 ODT và 74,9m<sup>2</sup> đất CLN).

Hộ ông U có nghĩa vụ trả lại giá trị quyền sử dụng đất theo Biên bản định giá tài sản ngày 14/5/2021 thể hiện giá đất loại ODT theo giá thị trường là 1.300.000 đồng/m<sup>2</sup>, loại CLN là 550.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Như vậy hộ ông U có trách nhiệm trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho ông Nh là 262.325.000 đồng. Công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 245m<sup>2</sup> cho hộ ông Lê Văn U sau khi ông U thanh toán xong số tiền trên cho ông Lê Văn Nh

và ông U được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích như trên, xét thấy kháng cáo của ông Lê Văn U yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông là có căn cứ chấp nhận một phần. Đề xuất áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, theo hướng chấp nhận kháng cáo một phần kháng cáo của bị đơn, ông Lê Văn U.

Phần án phí dân sự: Bị đơn được miễn án phí do thuộc trường hợp người Co tuổi, chi phí thẩm định các đương sự pH nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là quyền sử dụng đất và thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bị đơn cho rằng trước đây phần đất này do Lê Văn C(em ruột của bị đơn) sử dụng, đến năm 2012 ông C chết, chính ông Nh và vợ ông C là Nguyễn Thị H gọi ông U về ở trên nền nhà cũ của ông C để thờ cúng ông C và Cnh tác đất ruộng ở phía sau. Theo ông U, đây là đất phủ thờ của cha để lại cho ông C, khi ông C chết thì để lại cho ông U chứ không pH hỏi mượn đất của ông Nh để ở tạm như nguyên đơn trình bày.

[3.2] Đối với phần yêu cầu của nguyên đơn:

[3.2.1] Ông Lê Văn Nh có đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 948,7m<sup>2</sup>, tại thửa 621, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại khu vực Lân Th 2, phường Trung K, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000489, được ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 22/5/1999, cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ00695, cấp ngày 25/11/2010. Đến khoảng năm 2014 do ông U có Cnh tác đất ruộng ở phía sau thửa đất 621 cho nên ông Nh có cho ông U mượn tạm căn nhà cùng nền đất khoảng 36m<sup>2</sup> để làm nơi ở tạm và ông U cắt chuyển hộ khẩu về khu vực Lân Th 2, phường Trung K sinh sống đến nay. Khi cho mượn, hai bên có thỏa thuận là mượn vài năm khi nào ông Nh cần thì ông U pH trả lại không có điều kiện. Tuy nhiên, sau đó ông U tự ý xây dựng lấn chiếm thêm có diện tích khoảng 121m<sup>2</sup>. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn di dời đi nơi khác trả lại nhà và đất cho nguyên đơn.

[3.2.2] Hội đồng xét xử nhận định:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp do cha ông Nh là Lê Văn Tu cho ông Nh lại từ trước năm 1990. Diện tích đất 948,7m<sup>2</sup>, tại, được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt(cũ) cấp ngày 22/5/1999, cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ00695, cấp ngày 25/11/2010. Phần đất ông Nh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bên đang tranh tại bản án số 22/2010/DSPT ngày 24 – 25 -3 2010 đã Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tuyên án xác định thửa 621 là của ông Nh. Sau khi ông C (em ruột của nguyên đơn và bị đơn mất) vào năm Ông U về ở trên căn nhà của ông C và bà H phần đất tranh chấp này do ông Nh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà H (vợ ông C) cũng trình bày vào khoảng năm 2000, vợ chồng bà có mượn của ông Nh một phần đất tại thửa 621 để cất nhà ở. Vợ chồng bà cất nhà tạm bằng cây có kích thước Ngng 4m, dài 9m để sinh sống, đến ngày 21/02/2012 ông C chết. Sau đó, bà H có bán 01 công đất ruộng và tặng cho ông U 01 công đất ruộng để lo thờ cúng ông C, còn bà H trở về quê ở Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang sinh sống. Trước khi đi, bà H có làm giấy tay giao trả lại phần đất đã mượn tại thửa 621 và tặng cho ông Nh căn nhà tạm trên đất. Do đó cấp sơ thẩm xác định tài sản tranh chấp thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn là đúng.

Ông U cho rằng phần đất này của là của ông Tu cho ông C, khi ông C mất, bà H giao lại nhà và đất cho ông và gia đình ông sử dụng cho đến nay. Tuy nhiên ông U không chứng minh được phần trình bày của bị đơn. Do đó cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp là của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên hiện nay gia đình bị đơn không có nơi ở nào khác. Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho bị đơn ở ổn định một phần diện tích có căn nhà bị đơn đang ở với diện tích 245m<sup>2</sup> nhưng bị đơn pH trả lại giá trị 245 m<sup>2</sup> cho ông Nh theo Biên bản định giá tài sản ngày 14/5/2021 thể hiện giá đất loại ODT theo giá thị trường là 1.300.000 đồng/m<sup>2</sup>, loại CLN là 550.000 đồng/m<sup>2</sup>, phần diện còn lại phần đất 98,9 m<sup>2</sup>(Trong đó có: 60,9 đất ODT và 38 đất CLN) tại vị trí A hộ gia đình bị đơn giao trả cho nguyên đơn.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông U sửa bản án sơ thẩm, việc sửa bản án là khác quan.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không pH chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm.

Điều 26, 35, 39, 91, 147, 157, 165, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 170 và 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Lê Văn U cùng với bà Huỳnh Thị Ng, anh Lê Văn H pH có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn Nh giá trị 245m<sup>2</sup> đất(Trong đó: 170,1m<sup>2</sup> đất ODT và 74,9 m<sup>2</sup> CNL) số tiền là 262.325.000 đồng(Hai trăm sáu mươi hai triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) và ông Lê Văn U cùng với bà Huỳnh Thị Ng, anh Lê Văn H trả lại cho ông Lê Văn Nh phần đất 98,9 m<sup>2</sup>( có 60,9m<sup>2</sup> đất ODT và 38m<sup>2</sup> đất CLN), chiều Ngang phía trước là 5,32m(Giáp với phần đất ổn định cho hộ ông U), Ngang phía sau là 5,11m, chiều dài một cạnh là 18,95m, một cạnh là 19m, tại vị trí A, theo bản trích đo địa chính số 125/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 14/10/2021 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ổn định cho ông Lê Văn U cùng với bà Huỳnh Thị Ng, anh Lê Văn H phần đất diện tích đất 245m<sup>2</sup>(Trong đó: loại đất ODT là 170,1m<sup>2</sup> + CLN là 74,9m<sup>2</sup>) chiều Ngang phía trước 9,08 m giáp đường giao thông, chiều Ngang phía sau là 5,32m, chiều dài một cạnh là 34,30 m và một cạnh là 36,96m, tại vị trí A, theo Bản trích đo địa chính số 125/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 14/10/2021.

Vị trí, diện tích đất cụ thể được xác định căn cứ theo Bản trích đo địa chính số 125/TTKTTNMT do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập ngày 14/10/2021.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho ông Lê Văn Nh, ông Lê Văn U, bà Huỳnh Thị Ng, Lê Văn H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

Về chi phí đo đạc, định giá:

Ông Lê Văn U pH nộp số tiền 6.000.000 đồng(Sáu triệu đồng) để giao trả cho ông Lê Văn Nh.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn U được miễn nộp tiền án phí.



Ông Lê Văn Nh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 002606 ngày 27/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn U không pH chịu.

Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận Thốt Nốt;
- THADS quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thanh Quốc**